

- Câu 1. Ở Đông Dương, thực dân Pháp đề ra kế hoạch quân sự Nava (1953) trong bối cảnh nào sau đây?
A. Thực dân Pháp bị thiệt hại nặng nề. B. Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương.
C. Quân Trung Hoa dân quốc tiến vào Việt Nam. D. Quân phiệt Nhật Bản tiến vào Đông Dương.
- Câu 2. Nội dung của kế hoạch Nava do thực dân Pháp triển khai ở Việt Nam trong những năm 1953-1954 thuộc lĩnh vực nào sau đây?
A. Văn hóa. B. Giáo dục. C. Y tế. D. Quân sự.
- Câu 3. Trong kế hoạch Nava, Pháp tập trung quân đông ở đâu?
A. Đồng bằng Bắc Bộ. B. Tây Nguyên. C. Điện Biên Phủ. D. Nam Đông Dương.
- Câu 4. Trong đông - xuân 1953 - 1954, Bộ Chính trị quyết định mở các chiến dịch nào để tiến công địch ở khắp chiến trường Đông Dương.
A. Lai Châu, Trung Lào, Thượng Lào, Bắc Tây Nguyên.
B. Lai Châu, Việt Bắc, Trung Lào, Thượng Lào.
C. Trung Lào, Thượng Lào, Bắc Tây Nguyên, Biên Giới.
D. Lai Châu, Trung Lào, Nam Lào, Bắc Tây Nguyên.
- Câu 5. Để phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp, năm 1954 quân dân Việt Nam tập trung tấn công vào tập đoàn cứ điểm nào?
A. Biên giới. B. Tây Nguyên. C. Điện Biên Phủ. D. Quảng Trị.
- Câu 6. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 của quân dân Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch nào sau đây của thực dân Pháp?
A. Bôlae. B. Nava. C. Rove. D. Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- Câu 7. Nava tập trung mọi cố gắng để xây dựng vị trí nào thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương?
A. Độc Lập. B. Bản Kéo. C. Điện Biên Phủ. D. Lai Châu.
- Câu 8. Kế hoạch quân sự Nava (1953) ra đời với mục tiêu chính là
A. kết thúc nhanh chóng chiến tranh, buộc ta đầu hàng Pháp.
B. giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.
C. tiêu diệt lực lượng chủ lực của Việt Minh và cơ quan đầu não của ta.
D. khóa chặt đường liên lạc của ta với thế giới bên ngoài.
- Câu 9. Cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 của quân dân Việt Nam nhằm
A. làm thất bại chiến tranh xâm lược của Mĩ. B. buộc thực dân Pháp phải phân tán lực lượng.
C. đánh bại chiến tranh tổng lực của Mĩ. D. giành chính quyền trong cả nước.
- Câu 10. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 kết thúc thắng lợi có ý nghĩa
A. làm thay đổi kế hoạch của quân Pháp. B. buộc Pháp phải leo thang chiến tranh.
C. bước đầu phá sản kế hoạch Nava của Pháp. D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của Pháp.
- Câu 11. Nội dung nào sau đây **không phải** là một mục tiêu của ta khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ?
A. Tiêu diệt lực lượng địch ở đây. B. Giải phóng vùng Tây Bắc.
C. Tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào. D. Làm thất bại bước đầu kế hoạch Nava.
- Câu 12. Tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở chiến dịch Điện Biên Phủ với mục tiêu là
A. nhanh chóng đánh bại Pháp. B. tiêu diệt lực lượng Pháp.
C. giải phóng Điện Biên Phủ. D. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- Câu 13. Nội dung nào sau đây là thể hiện ý nghĩa về mặt ngoại giao của chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 đối với nước ta?
A. Tạo thuận lợi cho cuộc đàm phán của ta ở Hội nghị Giơnevơ giành thắng lợi .
B. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp và có sự giúp đỡ của Mĩ.
C. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp .
D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- Câu 14. Người dẫn đầu phái đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị Giơnevơ (1954) là
A. Hồ Chí Minh. B. Võ Nguyên Giáp. C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.
- Câu 15. Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương quy định: Ở Việt Nam lấy vĩ tuyến 17 (dọc sông Bến Hải – Quảng Trị) làm

A. biên giới tạm thời.

B. ranh giới tạm thời.

C. giới tuyến quân sự tạm thời.

D. vị trí tập kết của hai bên.

Câu 16. Hiệp định Giơ ne vơ (1954) về Đông Dương quy định việc thống nhất đất nước Việt Nam sẽ được tiến hành bằng hình thức

A. sáp nhập miền Bắc vào miền Nam.

B. sáp nhập miền Nam vào miền Bắc.

C. tổng tuyển cử tự do trong cả nước.

D. trưng cầu dân ý ở cả hai miền.

Câu 17. Hiệp định Giơnevơ (1954) về Đông Dương là thắng lợi nhưng chưa trọn vẹn đối với nhân dân ta vì

A. Mĩ không kí Hiệp định Giơnevơ.

B. chỉ giải phóng được miền Nam

C. mới giải phóng được miền Bắc.

D. Lào mới giải phóng Sầm Nưa, Phongxalì.

Câu 18. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết năm 1954 có ý nghĩa

A. đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

B. đánh bại hoàn toàn kế hoạch quân sự Nava của Pháp.

C. phá sản kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

D. buộc Pháp kí hiệp định và rút hết quân về nước.

Câu 19. Nguyên nhân cơ bản nào quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

B. Có lực lượng vũ trang sớm được xây dựng và hậu phương vững chắc.

C. Sự đồng tình, ủng hộ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân.

D. Toàn quân, toàn dân đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu, lao động và sản xuất.

Câu 20. Khi quân Pháp rút khỏi Việt Nam, điều khoản nào của Hiệp định Giơnevơ (1954) chưa được thực hiện?

A. Để lại hai vạn cố vấn quân sự Pháp ở miền Nam.

B. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền đất nước.

C. Không bồi thường chiến phí và giải quyết hậu quả chiến tranh.

D. Để lại toàn bộ quân Pháp trên chiến trường miền Nam.

Câu 21. Sau khi quân Pháp rút khỏi nước ta, Mĩ đã có hành động gì?

A. Dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam.

B. Trực tiếp đưa quân đội vào thay quân Pháp.

C. Biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mĩ.

D. Biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa của Mĩ.

Câu 22. Ngày 10-10-1954 đã diễn ra sự kiện nào trong lịch sử Việt Nam?

A. Pháp rút hết quân viễn chinh khỏi miền Bắc.

B. Quân đội nhân dân Việt Nam vào tiếp quản Hà Nội.

C. Pháp rút hết quân viễn chinh khỏi miền Nam.

D. Mĩ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

Câu 23. Một trong những âm mưu của Mĩ trong thời kì 1954 - 1975 là biến miền Nam Việt Nam thành

A. thuộc địa kiểu mới.

B. căn cứ quân sự duy nhất.

C. thị trường xuất khẩu duy nhất.

D. đồng minh duy nhất.

Câu 24. Một trong những âm mưu của Mĩ trong thời kì 1954 - 1975 là biến miền Nam Việt Nam thành

A. thị trường xuất khẩu duy nhất.

B. căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương.

C. đồng minh duy nhất.

D. căn cứ quân sự duy nhất.

Câu 25. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tổ chức ở đâu?

A. Hà Nội.

B. Tân Trào.

C. Tuyên Quang.

D. Hương Cảng (Trung Quốc).

Câu 26. Về nhiệm vụ của cách mạng miền Nam, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã xác định là

A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. đấu tranh vũ trang đánh bại chiến tranh xâm lược của Mĩ - Diệm.

C. cùng với miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

D. vừa đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm vừa tăng gia sản xuất.

Câu 27. Về nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã xác định là

A. đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. hoàn thành cải cách ruộng đất.

D. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 28. Cách mạng miền Bắc có vai trò như thế nào trong cuộc đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quyết định nhất. B. Có vai trò quyết định trực tiếp.

C. Có vai trò quan trọng nhất. D. Có vai trò cơ bản nhất.

Câu 29. Trong giai đoạn 1954 - 1975, cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quyết định nhất. B. Có vai trò quan trọng nhất.

C. Có vai trò quyết định trực tiếp. D. Có vai trò cơ bản nhất.

Câu 30. Phong trào Đồng khởi nổ ra trong hoàn cảnh cách mạng miền Nam đang

A. giữ vững và phát triển thế tiến công. B. gặp muôn vàn khó khăn và tổn thất.

C. chuyển dần sang đấu tranh chính trị. D. chuyển hẳn sang tiến công chiến lược.

Câu 31. Sự kiện tiêu biểu nhất của phong trào Đồng Khởi (1959 - 1960) diễn ra ở đâu?

A. Ninh Thuận. B. Bến Tre. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 32. “Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm” là ý nghĩa của

A. chiến thắng Ấp Bắc (1961). B. chiến thắng Vạn Tường (1965).

C. phong trào Đồng khởi (1959 - 1960). D. phong trào phá ấp chiến lược (1961 - 1965).

Câu 33. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) ở miền Nam Việt Nam đã

A. làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

B. làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.

C. buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.

D. giáng đòn nặng nề vào chiến lược toàn cầu của Mĩ.

Câu 34. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) ở miền Nam Việt Nam đã

A. làm sụp đổ hoàn toàn chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

B. làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.

C. buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” cuộc chiến tranh xâm lược.

D. chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 35. Từ năm 1961 - 1965, ở miền Nam, đế quốc Mĩ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào?

A. Việt Nam hoá chiến tranh. B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đặc biệt. D. Chiến tranh đơn phương.

Câu 36. Lực lượng quân đội chủ yếu của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) là

A. quân đội Sài Gòn. B. quân Mĩ. C. quân Anh. D. quân Pháp.

Câu 37. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” được triển khai chủ yếu ở khu vực nào của Việt Nam?

A. Miền Bắc. B. Miền Trung. C. Miền Nam. D. Cả nước Việt Nam.

Câu 38. Thắng lợi nào chứng tỏ quân dân miền Nam có khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Chiến thắng Bình Giã. B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Vạn Tường. D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 39. Chiến thắng quân sự mở đầu của phong trào đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) của Mĩ là

A. Vạn Tường. B. Bình Giã. C. Ba Gia. D. Ấp Bắc.

Câu 40. Chiến thắng quân sự nào của quân dân miền Nam đã làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Bình Giã. B. Ấp Bắc. C. An Lão. D. Ba Gia.

Câu 41. Những thắng lợi quân sự nào của quân dân miền Nam đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Ấp Bắc, Bình Giã, Đồng Xoài. B. Ấp Bắc, An Lão, Đồng Xoài.

C. An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài. D. An Lão, Đồng Xoài, Vạn Tường.

Câu 42. Âm mưu cơ bản của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

A. dùng người Việt đánh người Việt. B. giành lại thế chủ động trên chiến trường.

C. dồn dân lập “ấp chiến lược”. D. bình định và tìm diệt.

Câu 43. Biện pháp nào được Mĩ và chính quyền Sài Gòn coi như “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965)?

A. Dồn dân lập “ấp chiến lược”. B. Lập các “khu trù mật”.

C. Lập các “vành đai trắng”. D. Phong tỏa biên giới, vùng biển.

- Câu 44. Từ năm 1965 - 1968, ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã thực hiện chiến lược chiến tranh nào?
 A. Việt Nam hoá chiến tranh. B. Chiến tranh cục bộ.
 C. Chiến tranh đặc biệt. D. Đông Dương hóa chiến tranh.
- Câu 45. Từ năm 1969 - 1973, Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?
 A. Việt Nam hóa chiến tranh. B. Đông Dương hóa chiến tranh.
 C. Chiến tranh cục bộ. D. Chiến tranh đặc biệt.
- Câu 46. Tại sao đến năm 1965 Mỹ lại chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam?
 A. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đã bị phá sản.
 B. Mỹ muốn nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở Việt Nam.
 C. Mỹ muốn mở rộng và quốc tế hóa chiến tranh Việt Nam.
 D. Hình thức thống trị bằng chính quyền độc tài tay sai thất bại.
- Câu 47. Trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đế quốc Mỹ đã mở rộng phạm vi chiến tranh ra
 A. cả nước Việt Nam. B. miền Nam. C. toàn Đông Dương. D. miền Bắc.
- Câu 48. Lực lượng giữ vai trò chủ yếu trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là
 A. quân đội Sài Gòn. B. quân Mỹ. C. quân các nước đồng minh. D. quân Pháp.
- Câu 49. Âm mưu cơ bản của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là
 A. dùng người Việt đánh người Việt. B. dùng người Mỹ để tiến hành chiến tranh.
 C. giành lại thế chủ động trên chiến trường. D. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.
- Câu 50. Khi triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam (1965 -1968), Mỹ đã
 A. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
 B. sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận.
 C. ồ ạt đưa quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ vào miền Nam.
 D. mở rộng chiến tranh xâm lược sang Lào và Campuchia.
- Câu 51. Khi triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam (1965 - 1968), Mỹ đã
 A. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
 B. sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận.
 C. tiến hành các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.
 D. mở rộng chiến tranh xâm lược sang Lào và Campuchia.
- Câu 52. Chiến thắng quân sự nào trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đã mở đầu cho cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt”?
 A. Ấp Bắc. B. Vạn Tường. C. Núi Thành. D. An Lão.
- Câu 53. Nội dung nào phản ánh đúng ý nghĩa của chiến thắng Vạn Tường (1965)?
 A. Quân ta có khả năng đánh thắng quân Mỹ. B. Quân ta đánh thắng quân đồng minh Mỹ.
 C. Quân ta đánh thắng quân đội Sài Gòn. D. Quân ta lật đổ được chính quyền Sài Gòn.
- Câu 54. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) của quân dân miền Nam đã
 A. buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược.
 B. buộc Mỹ kí hiệp định Pari và chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
 C. buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.
 D. buộc Mỹ rút hết quân Mỹ và quân các nước đồng minh khỏi Việt Nam.
- Câu 55. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) của quân dân miền Nam đã
 A. buộc Mỹ kí hiệp định Pari và chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
 B. buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.
 C. buộc Mỹ rút hết quân Mỹ và quân các nước đồng minh khỏi Việt Nam.
 D. buộc Mỹ chấm dứt không điều kiện phá hoại miền Bắc.
- Câu 56. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) đã tạo bước ngoặt căn bản cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta trên mặt trận ngoại giao vì
 A. làm lung lay ý chí xâm lược, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược.
 B. buộc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 C. giáng một đòn mạnh vào chính quyền Sài Gòn.
 D. buộc Mỹ phải chấp nhận đến đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
- Câu 57. Từ năm 1969, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” sau thất bại ở
 A. chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. B. chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
 C. Đường số 9 - Nam Lào. D. chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 58. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ được tiến hành bằng lực lượng chủ yếu nào?

- A. Quân đội Sài Gòn.
- B. Quân Mĩ.
- C. Quân đồng minh.
- D. Quân chư hầu.

Câu 59. Việc Mĩ tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam đánh dấu sự thất bại của chiến lược chiến tranh nào?

- A. Chiến tranh cục bộ.
- B. Chiến tranh đặc biệt.
- C. Việt Nam hóa chiến tranh.
- D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 60. Cùng với việc thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mĩ còn sử dụng thủ đoạn ngoại giao nào?

- A. Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.
- B. Vận động các nước xã hội chủ nghĩa cô lập nước ta.
- C. Khống chế các nước viện trợ cho ta.
- D. Bắt tay với bọn phản động ở Campuchia và Lào.

Câu 61. Khi triển khai chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973), Mĩ đã

- A. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
- B. sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận.
- C. ồ ạt đưa quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ vào miền Nam.
- D. mở rộng chiến tranh xâm lược sang Lào và Campuchia.

Câu 62. Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã

- A. trực tiếp buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari 1973 và kết thúc chiến tranh.
- B. buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.
- C. Chọc thủng được một trong ba phòng tuyến mạnh nhất là Quảng Trị.
- D. kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

Câu 63. Nội dung nào sau đây **không đúng** khi nói về ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược năm 1972?

- A. Đây là thắng lợi trực tiếp buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari 1973.
- B. Buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh Việt Nam.
- C. Góp phần làm phá sản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- D. Chọc thủng được một trong ba phòng tuyến mạnh nhất là Quảng Trị.

Câu 64. Điểm giống nhau giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở Việt Nam là

- A. sử dụng lực lượng quân đội Mĩ là chủ yếu.
- B. thực hiện các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.
- C. nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- D. sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

Câu 65. Điểm khác biệt lớn nhất về âm mưu, thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

- A. sử dụng các loại vũ khí hiện đại.
- B. sử dụng quân Mĩ là chủ yếu, đánh phá miền Bắc.
- C. huy động lực lượng lớn quân đồng minh của Mĩ.
- D. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Câu 66. Nguyên nhân trực tiếp buộc Mĩ kí kết Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là do thất bại

- A. trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 của quân dân Việt Nam.
- B. trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân Việt Nam.
- C. trong cuộc tập kích bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng.
- D. trong các cuộc hành quân xâm lược Campuchia và Lào.

Câu 67. Nguyên nhân trực tiếp buộc Mĩ ngưng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc từ ngày 15-1-1973 là do thất bại

- A. trong cuộc tập kích bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng.
- B. trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 của quân dân Việt Nam.
- C. trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân Việt Nam.
- D. trong các cuộc hành quân xâm lược Campuchia và Lào.

Câu 68. Theo nội dung Hiệp định Pari, nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua

- A. cuộc trưng cầu dân ý.
- B. đàm phán với chính quyền Sài Gòn.
- C. tổng tuyển cử tự do.
- D. sự thỏa thuận của các nước lớn.

Câu 69. Theo nội dung của Hiệp định Pari 1973, các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và

- A. một lực lượng chính trị. B. hai lực lượng chính trị.
C. ba lực lượng chính trị. D. bốn lực lượng chính trị.

Câu 70. Điều khoản nào của Hiệp định Pari năm 1973 có tác động trực tiếp làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam Việt Nam?

- A. Mĩ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh.
B. Mĩ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc Việt Nam.
C. Mĩ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.
D. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.

Câu 71. Nhận định nào phản ánh đúng thắng lợi của Hiệp định Pari (1973) đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta?

- A. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ.
B. Đã đánh cho “Mĩ cút”, đánh cho “ngụy nhào”.
C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “ngụy nhào”.
D. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mĩ cút”.

Câu 72. Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (7 - 1973) đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là

- A. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân bằng bạo lực.
B. đòi Mĩ và chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Pari.
C. xây dựng và mở rộng vùng giải phóng toàn miền Nam.
D. thực hiện triệt để khẩu hiệu “Người cày có ruộng”.

Câu 73. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7-1973) đã nhận định kẻ thù của cách mạng miền Nam là

- A. chính quyền Sài Gòn và đồng minh của Mĩ. B. Mĩ và đồng minh của Mĩ.
C. đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu. D. chính quyền Sài Gòn.

Câu 74. Tháng 1 - 1975, quân dân Việt Nam đã giành thắng lợi trong chiến dịch nào?

- A. Huế - Đà Nẵng. B. Đường 9 - Nam Lào.
C. Tây Nguyên. D. Đường 14 - Phước Long.

Câu 75. Chiến thắng Phước Long (tháng 1 - 1975) của quân dân Việt Nam cho thấy

- A. khả năng thắng lớn của quân giải phóng. B. quân đội Sài Gòn đã tan rã hoàn toàn.
C. khả năng can thiệp trở lại của Mĩ rất cao. D. nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút” đã hoàn thành.

Câu 76. Điều kiện thuận lợi để cuối năm 1974 – đầu 1975 Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam là

- A. so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.
B. miền Bắc đã hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.
C. Mĩ rút toàn bộ lực lượng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
D. Mĩ không còn viện trợ kinh tế, quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 77. Chiến dịch nào sau đây được thực hiện trong Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

- A. Hồ Chí Minh. B. Việt Bắc. C. Biên Giới. D. Đông Khê.

Câu 78. Chiến dịch mở đầu trong Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

- A. Thất Khê. B. Tây Nguyên. C. Huế - Đà Nẵng. D. Lai Châu.

Câu 79. Trận đánh then chốt ở chiến dịch Tây Nguyên là

- A. Kon Tum. B. Plâyku. C. Buôn Ma Thuột. D. Đắc Lắc.

Câu 80. Chiến dịch nào đã kết thúc thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở miền Nam Việt Nam?

- A. Huế - Đà Nẵng. B. Phước Long. C. Hồ Chí Minh. D. Điện Biên Phủ.

Câu 81. Chiến dịch nào có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

- A. Trung Lào. B. Tây Nguyên. C. Thượng Lào. D. Hồ Chí Minh.

Câu 82. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975 vì một trong những lí do nào?

- A. Tuyến phòng thủ của đối phương ở đây đã bị phá vỡ.
B. Hầu hết quân đội Sài Gòn đã rút khỏi Tây Nguyên.
C. Chính quyền Sài Gòn không coi trọng địa bàn này.

D. Đây là địa bàn có tầm quan trọng về chiến lược.

Câu 83. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước sang giai đoạn mới là vì

- A. từ sau chiến dịch, quân dân miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở các tỉnh đồng bằng, đô thị.
- B. đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bộ Chính trị mở Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- C. quân dân ta chuyển từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
- D. đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu của Mĩ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 84. Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam là

- A. sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.
- B. hậu phương miền Bắc được xây dựng vững chắc.
- C. tinh thần đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương.
- D. sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 85. Ý nghĩa lớn nhất trong thắng lợi của kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta là gì?

- A. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - đế quốc, giành độc lập hoàn toàn.
- B. Có tác động sâu sắc đến tình hình nước Mĩ và thế giới.
- C. Mở ra kỉ nguyên mới: kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- D. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng thế giới.

Câu 86. Điểm khác biệt căn bản về phương châm tác chiến của Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) so với Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là

- A. tiến hành thần tốc, táo bạo và bất ngờ.
- B. tiến hành đánh nhanh, thắng nhanh.
- C. tiến hành đánh lâu dài và chắc thắng.
- D. tiến hành đánh chắc, tiến chắc.

Câu 87. Điểm giống nhau về phương châm chiến lược giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) của nhân dân Việt Nam là

- A. Đảm bảo đánh chắc thắng.
- B. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- C. Thần tốc, chắc thắng.
- D. Thần tốc, bất ngờ.

Câu 88. Vì sao phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau Đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Mỗi miền tồn tại những hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
- B. Cần chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.
- C. Đảng cần có cơ quan quyền lực chung cho nhân dân cả nước.
- D. Nhân dân hai miền mong muốn có một chính phủ thống nhất.

Câu 89. Ước nguyện tha thiết nhất của nhân dân hai miền Nam - Bắc Việt Nam sau năm 1975 là

- A. nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. xóa bỏ những tàn dư, lạc hậu của chế độ cũ để lại.
- C. hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế.
- D. thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 90. Tại Hà Nội, năm 1976, Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên đã quyết định

- A. thành lập Mặt trận Việt Minh.
- B. cải cách ruộng đất trong cả nước.
- C. tiến hành đổi mới đất nước.
- D. Quốc ca là bài Tiến quân ca.

Câu 91. Tháng 7-1976, Quốc hội khóa VI họp ở Hà Nội đã quyết định lấy tên nước là

- A. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B. Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Việt Nam.
- C. Cộng hòa Nhân dân Việt Nam.
- D. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 92. Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam trong những năm 1975 - 1976 đã

- A. tạo cơ sở để Việt Nam gia nhập Liên bang Đông Dương.
- B. tạo ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.
- C. đánh dấu việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt kinh tế.
- D. đánh dấu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành.

Câu 93. Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam trong những năm 1975 - 1976 đã

- A. góp phần mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
- B. tạo thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- C. đánh dấu việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt kinh tế.
- D. đánh dấu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành.

Câu 94. Trong những năm 1976-1986, nhân dân Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Bảo vệ biên giới Tây Nam.
- B. Xây dựng Hội Liên Việt.

C. Xây dựng Quỹ độc lập.

D. Bầu Quốc hội khóa I.

Câu 95. Trong những năm 1976-1986, nhân dân Việt Nam thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

A. Xây dựng Quỹ quốc phòng.

B. Tổng tuyển cử trong cả nước.

C. Bảo vệ biên giới phía Bắc.

D. Xây dựng Mặt trận dân tộc.

Câu 96. Một trong những yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986) là

A. cuộc khủng hoảng toàn diện và trầm trọng ở Liên Xô.

B. sự phát triển nhanh chóng của tổ chức ASEAN.

C. tình trạng lạc hậu của các nước Đông Nam Á.

D. cuộc khủng hoảng trầm trọng của nền kinh tế thế giới.

Câu 97. Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12-1986) có nội dung nào sau đây?

A. Chỉ tập trung đổi mới về văn hóa.

B. Chỉ tập trung đổi mới về tổ chức và tư tưởng.

C. Chỉ tập trung đổi mới về chính trị.

D. Đổi mới kinh tế là trọng tâm.

Câu 98. Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế

A. tập trung, quan liêu, bao cấp.

B. hàng hóa có sự quản lý của nhà nước.

C. thị trường có sự quản lý của nhà nước.

D. thị trường tư bản chủ nghĩa.

Câu 99. Trong đường lối đổi mới đất nước (12-1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng

A. xã hội chủ nghĩa.

B. kinh tế thị trường.

C. kinh tế tập trung.

D. tư bản chủ nghĩa.

Câu 100. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới?

A. Xã hội.

B. Kinh tế.

C. Văn hóa.

D. Chính trị.

---- HẾT ---